

XÂY DỰNG QUY TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG TỰ PHỤC VỤ CHO TRẺ EM KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ

BUILDING THE FORMATION AND DEVELOPMENT OF SKILLS SELF-SERVICE FOR CHILDREN WITH INTELLECTUAL DISABILITY

Lê Thị Hằng¹, Nguyễn Ngọc Chinh²

¹Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; hanglesp@gmail.com

²Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; nnchinh@ufl.udn.vn

Tóm tắt - Một trong những khó khăn lớn nhất mà trẻ khuyết tật trí tuệ (TKTTT) gặp phải là kĩ năng tự phục vụ. Nghiên cứu đối với nhóm 9 trẻ chậm phát triển trí tuệ trong độ tuổi 6 đến 11 tại cơ sở Giáo dục Hòa nhập Ước Mơ Xanh, thành phố Đà Nẵng cho thấy, có nhiều TKTTT chưa thể tự ăn uống hay làm vệ sinh cá nhân được, mọi việc vẫn phụ thuộc vào người lớn. Việc xây dựng hệ thống bài tập và trang bị kỹ năng tự phục vụ cho trẻ khuyết tật sẽ góp phần quan trọng giúp cho các em có cuộc sống tự lập hơn sau này, đồng thời giúp cho gia đình giảm bớt gánh nặng trong việc chăm sóc - giáo dục cho trẻ. Kết quả nghiên cứu sẽ đưa ra qui trình quan trọng trong việc hướng dẫn cho giáo viên và phụ huynh trẻ khuyết tật trí tuệ biết cách trang bị kỹ năng tự phục vụ cho trẻ, giúp trẻ có được cuộc sống tự lập trong tương lai.

Từ khóa - Trẻ khuyết tật; khuyết tật trí tuệ; kỹ năng; phục vụ; tự phục vụ

1. Đặt vấn đề

Kỹ năng tự phục vụ là kỹ năng cơ bản cần thiết cho một cuộc sống độc lập ở trẻ em. Thành thạo kỹ năng tự phục vụ là một trong những bước cơ bản giúp trẻ em nói chung và trẻ khuyết tật nói riêng hướng tới một cuộc sống độc lập sau này.

Trẻ khuyết tật trí tuệ (KTTT) là nhóm trẻ gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống [1], [2]. Một trong những khó khăn mà các em gặp phải đó là thiếu kỹ năng tự phục vụ, kĩ năng chăm sóc cho chính bản thân mình. Có nhiều trẻ khuyết tật dù đã trải qua một thời gian dài được can thiệp, được giáo dục học tập tại các cơ sở giáo dục hay ở độ tuổi lớn vẫn gặp rất nhiều khó khăn với kỹ năng tự phục vụ. Phần lớn các em không biết cách tự chăm sóc bản thân mình, dẫn đến các em gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống. Do đó, việc trang bị cho các em kỹ năng tự phục vụ là rất quan trọng. Công việc này đòi hỏi cần có sự kiên trì và cần được thực hiện theo qui trình gồm nhiều bước có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.

2. Một số khái niệm

2.1. Kỹ năng tự phục vụ

Kỹ năng tự phục vụ là khả năng con người có thể tự chăm sóc bản thân như ăn uống, mặc quần áo, tắm rửa và đi vệ sinh. Kỹ năng tự phục vụ là những kĩ năng cần thiết để con người đạt được sự độc lập trong nhiều khía cạnh của cuộc sống. Được trang bị kĩ năng này sẽ giúp cho một đứa trẻ ít phụ thuộc vào những người xung quanh trong cuộc sống hàng ngày của mình [3].

2.2. Trẻ khuyết tật trí tuệ

Theo sổ tay chẩn đoán và thống kê những rối nhiễu tâm

Abstract - One of the biggest challenges facing children with intellectual disabilities is self-service Research on a group of 9 children with mental retardation in the age group of 6 to 11 at Dream Blue Inclusive Education, Da Nang city, showed that many children with disabilities have not been able to eat, drink, or clean themselves, everything depends on the adults. The development of an exercise system and self-service skills for children with disabilities will contribute significantly to help them become more independent in the future, while helping the family reduce the burden of caring for their children. care - education for children. The results of this research will provide an important process for educating teachers and parents of children with intellectual disabilities in how to equip self-service skills to help children lead independent lives in the future.

Key words - Children with disabilities; intellectual disabilities; skills; services; self-service

thần IV (DMS-IV) [4] thì một trẻ có khuyết tật về trí tuệ có những tiêu chí chẩn đoán sau đây:

- Chức năng trí tuệ IQ dưới 70 trên một lần thực hiện trắc nghiệm cá nhân (đối với trẻ nhỏ, dựa vào đánh giá lâm sàng để xác định);

- Bị thiếu hụt hoặc khiếm khuyết ít nhất hai trong số các lĩnh vực hành vi thích ứng, bao gồm: Giao tiếp, tự chăm sóc, sống tại gia đình, kĩ năng xã hội/ liên cá nhân, sử dụng các tiện ích trong cộng đồng, tự định hướng, kĩ năng học đường chức năng, làm việc, giải trí, sức khỏe và an toàn;

- Hiện tượng khuyết tật trí tuệ xuất hiện trước 18 tuổi [5].

3. Đặc điểm tâm lý của TKTTT

3.1. Đặc điểm cảm giác - tri giác

- Tri giác chậm chạp: Tri giác của trẻ hạn chế, bất chước kém.

- Khả năng phân biệt kém: Nhiều trẻ không phân biệt được màu sắc, hình dáng, độ lớn, đặc biệt là những đồ vật có hình dạng gần giống nhau như hình vuông hay hình chữ nhật. Trẻ cũng rất khó để phân biệt và nhận biết âm thanh.

- Thiếu tích cực trong quá trình tri giác: Khi quan sát trẻ thường qua loa, hời hợt, không chú ý đến chi tiết và không hiểu rõ nội dung.

3.2. Đặc điểm trí nhớ

Chậm nhớ, mau quên là đặc điểm của trẻ này. Trẻ khó khăn trong việc ghi nhớ, nếu không có sự luyện tập thường xuyên trẻ sẽ quên hết mọi kiến thức.

3.3. Đặc điểm tư duy

- Tư duy mang tính cụ thể, trực quan, yếu về tính khái quát hóa;

- Thiếu tính liên tục trong tư duy;

- Hiện tượng yếu vai trò điều chỉnh của tư duy: Thể hiện ở chỗ khi nhận nhiệm vụ trẻ rất hăng hái, không suy nghĩ nên kết quả thường sai sót và phải làm đi làm lại nhiều lần, những trẻ này ít khi nhận ra sai lầm của mình;

- Trẻ thường quên mất nhiệm vụ trước khi hoàn thành. Trẻ không thể khái quát thông tin từ hoàn cảnh này sang hoàn cảnh khác. Trẻ có thể học làm được một số kỹ năng nào đó ở trong một hoàn cảnh nhất định nhưng chúng lại không biết chuyển giao đúng kỹ năng đó trong một hoàn cảnh khác. Trẻ thường hay khóc hơn những trẻ khác, dễ bị kích thích, dễ trở nên bối rối.

3.4. Đặc điểm ngôn ngữ - giao tiếp

Trẻ có vốn ngôn ngữ chậm hơn rất nhiều so với trẻ cùng độ tuổi. Ở trẻ vốn từ nghèo nàn, ít dùng những câu phức tạp, câu có liên từ, khó khăn trong việc sử dụng ngôn ngữ để diễn tả ý kiến bản thân hay trả lời cộc lốc. Các em thường không hiểu được những từ ngữ có tính chất trừu tượng. Trong quá trình giao tiếp, trẻ rất khó đáp ứng yêu cầu của người khác, đặc biệt là những yêu cầu có nhiều nhiệm vụ nên khi thực hiện trẻ chỉ thực hiện được một phần.

3.5. Đặc điểm tình cảm - xã hội

Trẻ KTTT có quá trình phát triển tình cảm - xã hội giống như những trẻ cùng độ tuổi. Điều khác biệt là những giai đoạn phát triển khác nhau sẽ kéo dài hơn hoặc quá trình phát triển chấm dứt sớm hơn [6].

Trẻ cần nhiều kích thích hơn trẻ cùng độ tuổi để phát triển tình cảm và xã hội. Tần số kích thích không quan trọng bằng chất lượng kích thích, nghĩa là mức độ đáp ứng yêu cầu thực sự của trẻ. Vì những nhu cầu này khác nhau ở mỗi trẻ và người ta thường không nhận ra điều đó nên trẻ thường ít nhận được những kích thích phù hợp hơn trẻ bình thường. Trái lại trẻ thường bị kích thích quá mức hoặc bị kích thích dưới mức thông thường. Cách thức kích thích ảnh hưởng tới chất lượng phát triển xã hội của trẻ.

Do ảnh hưởng của rối loạn trí tuệ nên ở nhóm trẻ này thường không có những khái niệm về bản thân, về những người xung quanh trẻ, trẻ không biết thiết lập mối quan hệ và bày tỏ thái độ tích cực của mình đối với người khác.

4. Ý nghĩa của việc phát triển kỹ năng tự phục vụ cho TKTTT

Trong quá trình chăm sóc - giáo dục cho TKTTT cần quan tâm đến việc dạy kỹ năng tự phục vụ cho trẻ giúp trẻ hòa nhập với cuộc sống cộng đồng, có cơ hội sống độc lập đến mức cao nhất [7].

Trang bị cho trẻ em chậm phát triển trí tuệ kỹ năng tự phục vụ sẽ giúp trẻ biết cách tự chăm sóc bản thân và dần hướng tới cuộc sống độc lập trong tương lai. Rèn kỹ năng tự phục vụ là một yêu cầu rất cần thiết nên đòi hỏi các bậc làm cha mẹ phải bắt tay vào hình thành cho con cái ngay từ khi còn nhỏ. Khi có kỹ năng tự phục vụ trẻ sẽ không còn tính ỷ lại, trông chờ vào sự giúp đỡ của người khác, giúp cho các em sau này có thể thích nghi với môi trường sống mới.

Khi trẻ đến trường, việc dạy kỹ năng tự phục vụ sẽ

mang lại cho trẻ nhiều lợi ích về mặt sức khỏe, giáo dục, cả văn hóa xã hội, giúp trẻ sớm có ý thức và khả năng thích nghi với cuộc sống, làm chủ bản thân, sống tích cực và hướng đến những điều lành mạnh cho chính mình cũng như cho cộng đồng. Cha mẹ và các giáo viên ở trường đóng vai trò quan trọng trong việc trang bị cho trẻ các kỹ năng tự phục vụ.

5. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kỹ năng tự phục vụ cho TKTTT

5.1. Khả năng của trẻ

Trang bị kỹ năng tự phục vụ cho TKTTT phụ thuộc mức độ khuyết tật của trẻ. Do đó, việc thực hiện các kỹ năng tự phục vụ cho trẻ không hề đơn giản. Phần lớn TKTTT nhất là trẻ mức độ nặng thì khả năng nhận thức của trẻ hạn chế. Cảm giác, tri giác của trẻ chậm chạp, khả năng phân biệt kém. Chủ yếu là tư duy cụ thể, thiếu tính liên tục, logic kém, thiếu khả năng phê phán, nhận xét. Trí nhớ kém bền vững, ghi nhớ máy móc bên ngoài, khó ghi nhớ trừu tượng logic. Thời gian chú ý ngắn, khó tập trung, dễ phân tán, chú ý không bền vững. Trẻ có vốn ngôn ngữ lời nói của người khác. Trẻ hay có những hành vi chống đối, sai trái. Với đặc điểm như trên, việc trang bị kỹ năng tự phục vụ cho TKTTT cần có thời gian, sự kiên trì.

5.2. Gia đình trẻ

Gia đình là nơi đầu tiên để trẻ phát triển về mọi mặt. Đây là môi trường gần gũi, an toàn và vô cùng quan trọng đối với mỗi con người. Sự hiểu biết, hợp tác với giáo viên của gia đình ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển và tiến bộ của trẻ. Tuy nhiên, do nhiều áp lực của cuộc sống nên không ít cha mẹ đã phó mặc việc chăm sóc - giáo dục trẻ cho ông bà hoặc người giúp việc. Nhiều cha mẹ quan tâm đến con nhưng họ không đủ kiên nhẫn để chờ đợi con thực hiện nên thường làm thay cho con để khỏi mất nhiều thời gian. Nhiều cha mẹ chấp nhận sự tồn tại của con hoặc cho rằng con cái đang phải gánh chịu những thiệt thòi của gia đình nên đứa trẻ lại càng được cưng chiều,... Tất cả những điều trên là rào cản làm cho trẻ không có cơ hội được lao động và phát triển.

5.3. Giáo viên và môi trường lớp học

Năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm và đạo đức nghề nghiệp của giáo viên là yếu tố quyết định chất lượng và hiệu quả của quá trình phát triển của trẻ. Đến trường, trẻ rất cần sự yêu thương, quan tâm của giáo viên. Giáo viên cần thường xuyên trao đổi với gia đình trong quá trình giáo dục trẻ thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ.

6. Kết quả nghiên cứu

6.1. Phương pháp nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu: Quan sát và thực nghiệm;

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Phạm vi nội dung: Nghiên cứu thực trạng kỹ năng tự phục vụ của trẻ chậm phát triển trí tuệ;

+ Phạm vi thời gian: 3 tháng (từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2019);

+ Phạm vi khách thể khảo sát, thực nghiệm: Nhóm 9 trẻ chậm phát triển trí tuệ trong độ tuổi 6 đến 11.

+ Phạm vi không gian: Nghiên cứu được tiến hành tại Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Giáo dục Đặc biệt, cơ sở Giáo dục Hòa nhập Ước Mơ Xanh, thành phố Đà Nẵng.

6.2. Thực trạng kỹ năng tự phục vụ và xác định các kỹ năng cần rèn luyện của TKTTT

Kết quả khảo sát kỹ năng tự phục vụ và xác định các kỹ năng cần dạy cho trẻ cho thấy: Có 3 nhóm kỹ năng tự phục vụ cần trang bị cho trẻ: Ăn uống; Mặc; Vệ sinh cá nhân.

(1) **Ăn uống:** 1. Tự ăn bằng thìa, 2. Tự ăn bằng đũa, 3. Tự uống từ cốc hoặc ly, 4. Tự uống bằng ống hút, 5. Chuẩn bị bàn ăn, 6. Dọn dẹp bàn ăn.

(2) **Mặc:** 1. Cởi mang mũ, 2. Mang mũ, 3. Cởi tất, 4. Mang tất, 5. Cởi giày/ dép không quai, 6. Cởi giày/ dép có quai, 7. Mang giày/ dép không quai, 8. Mang giày/ dép có quai, 9. Cởi áo thun chui đầu, 10. Mang áo thun chui đầu, 11. Cởi áo có khóa kéo, 12. Mang áo có khóa kéo, 13. Cởi áo có nút phía trước, 14. Mang áo có nút phía trước, 15. Cởi quần dài lưng thun, 16. Mang quần dài lưng thun, 17. Cởi quần có khóa kéo, 18. Mang quần có khóa kéo.

(3) **Vệ sinh cá nhân:** 1. Rửa tay, 2. Rửa mặt, 3. Đánh răng, 4. Tắm, 5. Chải tóc, 6. Đi vệ sinh, 7. Cắt móng tay, móng chân, 8. Sử dụng dây cột tóc, kẹp tóc.

Bảng 1 thể hiện kết quả khảo sát kỹ năng tự phục vụ của trẻ chậm phát triển trí tuệ tại cơ sở Giáo dục hòa nhập Ước Mơ Xanh. Đây là những kỹ năng trẻ không làm được, những kỹ năng mà trẻ đã làm thành thạo hoặc làm được có sự trợ giúp không đề cập đến nữa.

Bảng 1. Kết quả khảo sát kỹ năng tự phục vụ của trẻ chậm phát triển trí tuệ (Trước thực nghiệm)

Kỹ năng		Không làm được	Làm được có trợ giúp	Làm thành thạo
ĂN UỐNG				
2	Tự ăn bằng đũa	7/9	2/9	
5	Dọn dẹp bàn ăn	7/9	1/9	1/9
6	Chuẩn bị bàn ăn	5/9	1/9	3/9
MẶC				
12	Mang áo có khóa kéo	5/9	4/9	
13	Cởi áo có nút phía trước	5/9	4/9	
14	Mang áo có nút phía trước	8/9	1/9	
17	Cởi quần có khóa kéo	6/9	3/9	
18	Mang quần có khóa kéo	9/9		
VỆ SINH CÁ NHÂN				
8	Cắt móng tay, móng chân	9/9		

Kết quả nghiên cứu từ Bảng 1 cho thấy, trong 32 kỹ năng tự phục vụ thì có 9 kỹ năng trẻ gặp khó khăn. Cụ thể: Trong 6 kỹ năng ăn uống các trẻ gặp khó khăn ở 3 kỹ năng: 2, 5, 6; Trong 18 kỹ năng mặc trẻ gặp khó khăn ở các kỹ năng: 12, 13, 14, 17 và 18; Ở nhóm 8 kỹ năng vệ sinh cá nhân trẻ gặp khó khăn duy nhất ở kỹ năng 8 là cắt móng tay móng chân.

6.3. Quy trình hình thành và phát triển kỹ năng tự phục vụ cho trẻ chậm phát triển trí tuệ

Để hình thành và phát triển kỹ năng tự phục vụ cho trẻ chậm phát triển trí tuệ tại cơ sở Giáo dục Hòa nhập Ước Mơ Xanh, tác giả xác định sẽ tiến hành theo các bước sau đây:

6.3.1. Chuẩn bị

- Tiến hành khảo sát thực trạng kỹ năng tự phục vụ của trẻ chậm phát triển trí tuệ bằng bảng kiểm tra ở thời điểm hiện tại;

- Xác định kỹ năng cần trang bị: Kết quả khảo sát ở trên đã đánh giá được những kỹ năng trẻ đã làm tốt và những kỹ năng trẻ cần hỗ trợ thêm;

- Xây dựng các bước chi tiết để dạy kỹ năng: Chia nhỏ kỹ năng thành các bước để dạy trẻ theo kỹ thuật phân tích nhiệm vụ. Số lượng bước và mức độ phức tạp phụ thuộc vào từng trẻ. Đối với những trẻ học nhanh, chỉ cần một vài bước lớn. Đối với những trẻ học chậm, cần nhiều bước nhỏ và chi tiết hơn;

- Chuẩn bị phần thưởng cho trẻ: Phần thưởng nhằm động viên, khuyến khích trẻ mỗi khi hoàn thành nhiệm vụ. Phần thưởng có thể đơn giản là một cái ôm, nụ cười, khen ngợi, bánh kẹo hoặc các hoạt động mà trẻ yêu thích;

- Dự kiến không gian và phương tiện dạy kỹ năng cho trẻ: Mỗi một kỹ năng được tiến hành ở những không gian khác nhau. Đối với trẻ chậm phát triển trí tuệ, không gian cần giảm thiểu tiếng ồn, người qua lại hoặc những đồ vật trẻ thích để trẻ có thể tập trung vào những gì giáo viên dạy. Khi chọn đồ dùng để dạy kỹ năng tự phục vụ phải đảm bảo sự an toàn, có sẵn và phù hợp với sự thay đổi của trẻ cũng như kỹ năng dạy cho trẻ.

6.3.2. Cách thức hình thành và phát triển kỹ năng tự phục vụ cho trẻ chậm phát triển trí tuệ

- Hướng dẫn bằng lời: Nói với trẻ sao cho đơn giản, ngắn gọn và rõ ràng nhất. Giáo viên sẽ đưa ra những chỉ dẫn thật chậm và chỉ khi trẻ chú ý. Sẽ bắt đầu quá trình chỉ dẫn bằng cách gọi tên của trẻ và đảm bảo chắc chắn rằng trẻ đã nhìn cô. Đưa ra yêu cầu, ví dụ: “Na, nhìn cô!”;

- Làm mẫu: Làm mẫu những gì cô sẽ dạy trẻ giúp trẻ hình dung chính xác những gì trẻ cần làm. Làm mẫu thật chậm và kèm theo chỉ dẫn bằng lời;

- Cầm tay chỉ việc: Giáo viên sẽ thực hiện nhiệm vụ cùng với trẻ, lúc này cô sẽ cầm tay trẻ và làm từng bước một. Lúc đầu hướng dẫn có thể giáo viên sẽ là người làm hết mọi việc, sau đó giáo viên sẽ giảm dần sự trợ giúp khi trẻ đã bắt đầu thành thạo hơn.

Mỗi bài tập được xây dựng gồm 3 phần: Đồ dùng, các bước hướng dẫn và lưu ý khi vận dụng thực tế. Mỗi bài tập sẽ được thực hiện gồm 2 bước: Dạy theo quy trình và dạy từng bước. Trong đó, giáo viên sẽ dạy theo quy trình trước, sau đó mới dạy từng bước một. Trong phiếu theo dõi, có phần để trống nhằm mục đích cho giáo viên có thể đánh dấu vào các bước đã thực hiện được trong từng buổi dạy và những điểm cần lưu ý hoặc ghi nhớ trong từng buổi dạy (nếu có). Phần vận dụng sẽ đưa ra những gợi ý thực tế để giúp giáo viên và gia đình có thêm những gợi ý để dạy trẻ. Mỗi trẻ khuyết tật là khác nhau, cần có sự vận dụng các bài

tập một cách linh hoạt.

Bài tập được thiết kế dành cho cả giáo viên và gia đình trẻ khuyết tật. Bài tập này không chỉ dành cho TKTTT và các trẻ khuyết tật khác đều có thể áp dụng. Trong phần thử nghiệm của vấn đề nghiên cứu sẽ được các giáo viên thực hiện tại cơ sở chăm sóc - giáo dục trẻ.

- Quan sát và đánh giá sự tiến bộ của trẻ: Xây dựng phiếu theo dõi sự tiến bộ của trẻ sẽ giúp cho giáo viên ghi chép quá trình dạy của mình và theo dõi sự tiến bộ ở trẻ (Phiếu theo dõi dưới đây).

PHIẾU THEO DÕI SỰ TIẾN BỘ

Họ tên trẻ:.....

Kỹ năng:.....

Các bước	Ngày	Số lần dạy							Ghi chú
		1	2	3	4	5		n	

6.3.3. Tiến trình hình thành và phát triển kỹ năng tự phục vụ cho trẻ chậm phát triển trí tuệ

Các kỹ năng được xây dựng theo mẫu sau:

Ví dụ kỹ năng: TỰ ĂN BẰNG Đũa

1. Chuẩn bị: Đũa, bát có thức ăn, tranh gợi ý, video minh họa

2. Các bước thực hiện

Dạy theo qui trình	
Bước 1	Cho trẻ ngồi vào bàn vừa với chiều cao của trẻ, cô đứng sau lưng trẻ, đặt đũa vào tay trẻ và tay kia của trẻ giữ bát. Cô cầm tay trẻ để hướng dẫn
Bước 2	Gắp thức ăn bằng đũa
Bước 3	Đưa đũa lên miệng trẻ và để trẻ ăn thức ăn từ đũa. Cô nói với trẻ: “Giỏi, con đang ăn bằng đũa”
Bước 4	Đưa đũa xuống chén lần nữa, chờ trẻ nhai xong phần thức ăn trong miệng
Bước 5	Sau khi trẻ ăn khoảng 3 đến 4 lần gắp, đặt đũa lên bàn để trẻ nghỉ một lúc
	Lặp lại các bước trên cho đến khi xong bữa ăn. Lặp đi lặp lại cho đến khi trẻ quen với việc cô cầm tay chỉ việc cho trẻ.
Dạy từng bước	
Bước 1	Cầm tay trẻ, đưa đũa lên miệng của trẻ. Cô thả tay ra để trẻ ăn thức ăn từ đũa và lấy đũa ra khỏi miệng. Cầm tay trẻ đưa đũa xuống bát trở lại và nói: “Giỏi, con đang ăn bằng đũa”
Bước 2	Lần tiếp theo cô rời tay ra khỏi tay trẻ khi đưa ở gần tới miệng trẻ. Để trẻ đưa thức ăn vào miệng, ăn thức ăn và đưa đũa ra xa miệng một chút, khi đó cô mới cầm tay trẻ và đưa đũa về lại bát. Cô nói: “Giỏi, con đang ăn bằng đũa”
Bước 3	Lần tiếp theo, cô thả tay ra khi đưa đã di chuyển được nửa đường tới miệng. Để trẻ đưa đũa tiếp tới miệng trẻ, ăn thức ăn, đưa đũa một nửa đường về bát, khi đó cô mới cầm tay trẻ và đưa đũa về bát. Cô nói: “Giỏi, con đang ăn bằng đũa”
Bước 4	Lần tiếp theo, cô để trẻ tự xúc thức ăn đưa đũa lên miệng, ăn thức ăn và đưa đũa xuống lại bát, khi đó mới cầm tay trẻ và hướng dẫn trẻ gắp thức ăn. Cô nói: “Giỏi, con đang ăn bằng đũa”

6.3.4. Lưu ý khi vận dụng thực tế

- Giảm dần sự trợ giúp với trẻ, có thể thay vì thả tay trẻ ngay lập tức, cô cũng có thể cầm nhẹ tay trẻ hoặc ngồi bên cạnh hoặc hướng dẫn bằng lời, sau đó cô ngừng hẳn sự trợ giúp để trẻ tự hoàn thành nhiệm vụ;

- Cô thưởng cho trẻ khi trẻ hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Với những trẻ gặp khó khăn hơn trong việc nhớ các bước thực hiện, cô có thể dùng thẻ tranh, video mẫu giúp trẻ ghi nhớ.

Các kỹ năng còn lại đều được xây dựng theo mẫu trên.

6.4. Kết quả phát triển kỹ năng tự phục vụ của TKTTT

Sau 3 tháng thực hiện các kỹ năng trên ở 9 trẻ chậm phát triển trí tuệ tại cơ sở Giáo dục Hòa nhập Ước Mơ Xanh, kết quả thu được khá khả quan ở Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả khảo sát kỹ năng tự phục vụ của trẻ chậm phát triển trí tuệ (Sau thực nghiệm)

Kỹ năng		Không làm được	Làm được có trợ giúp	Làm thành thạo
	ĂN UỐNG			
2	Tự ăn bằng đũa		7/9	2/9
5	Dọn dẹp bàn ăn		6/9	3/9
6	Chuẩn bị bàn ăn		5/9	4/9
	MẶC			
12	Mang áo có khóa kéo		7/9	2/9
13	Cởi áo có nút phía trước		7/9	2/9
14	Mang áo có nút phía trước		5/9	4/9
17	Cởi quần có khóa kéo		2/9	7/9
18	Mang quần có khóa kéo		1/9	8/9
	VỆ SINH CÁ NHÂN			
8	Cắt móng tay, móng chân	5/9	4/9	

Như vậy, kết quả Bảng 2 cho thấy sự tiến bộ rõ rệt về một số kỹ năng tự phục vụ mà trẻ gặp khó khăn trước đó:

- Ở nhóm kỹ năng ăn uống: Từ việc tất cả các trẻ đều chưa thành thạo trong việc ăn bằng đũa, sau thực nghiệm đã có 2/9 trẻ đã có thể sử dụng đũa để lấy thức ăn và 7/9 bé làm được nhưng thỉnh thoảng vẫn cần có sự quan sát và hỗ trợ của giáo viên; Có 3 đến 4 trẻ đã biết giúp giáo viên chuẩn bị bàn ăn và dọn dẹp bàn sau khi ăn xong (những trẻ làm được kỹ năng này là những trẻ lớn độ tuổi 10-11 tuổi).

- Ở nhóm kỹ năng mặc: Đối với các trẻ kỹ năng mang áo, cởi áo gặp nhiều khó khăn hơn kỹ năng mang quần và cởi quần. Cụ thể: Có 7-8 trẻ có thể tự mặc quần hoặc cởi áo nhưng khi mang áo và cởi áo các trẻ cần sự trợ giúp.

- Ở nhóm kỹ năng vệ sinh cá nhân: Đối với trẻ chậm phát triển trí tuệ, kỹ năng khó nhất đối với trẻ là cắt móng tay, móng chân nhưng bằng nhiều phương pháp hướng dẫn khác nhau với sự hướng dẫn tận tình của các cô giáo đã có 4 trẻ làm được với sự hướng dẫn của cô giáo.

Như vậy, các kỹ năng mà trẻ gặp khó khăn trước đó thì sau thực nghiệm trẻ có thể tự làm được hoặc một số trẻ khi có hướng dẫn và giúp đỡ của cô trẻ có thể hoàn thành. Kết quả này góp phần trong việc tạo cho phụ huynh niềm vui, hạnh phúc về sự tiến bộ và tự lập của các trẻ vốn gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống.

7. Kết luận

Trẻ khuyết tật và cha mẹ có con bị khuyết tật nói chung và trẻ chậm phát triển trí tuệ nói riêng gặp rất nhiều khó khăn và áp lực trong cuộc sống. Phần lớn các em đều không có khả năng tự phục vụ. Việc xây dựng được hệ thống bài tập và trang bị kỹ năng tự phục vụ sẽ góp phần quan trọng giúp cho các em có cuộc sống tự lập hơn sau này, đồng thời giúp cho gia đình giảm bớt gánh nặng trong việc chăm sóc - giáo dục trẻ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thông qua việc rèn luyện và phát triển thường xuyên thì trẻ có kỹ năng tự phục vụ ngày càng tốt hơn.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng trong đề tài mã số B2018-DN03-23.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Báo cáo khảo sát hiện trạng giáo dục trẻ khuyết tật tại Việt Nam*, Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Kỷ yếu 10 năm thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại Việt Nam*, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thị Ngân (2008), *Biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ chậm phát triển trí tuệ trong lớp mẫu giáo hòa nhập*, Luận văn thạc sĩ, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội.
- [4] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2012), *Giáo dục đặc biệt và những thuật ngữ cơ bản*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Lê Văn Tạc, *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật cấp tiểu học*, Nhà Xuất bản Lao động Xã hội.
- [6] Nguyễn Xuân Hải, *Nghiên cứu biểu hiện và hướng giáo dục hành vi bất thường của trẻ chậm phát triển trí tuệ bậc tiểu học*, *Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Viện*, mã số C11-53.
- [7] Trần Thị Lệ Thu (2003), *Đại cương Giáo dục giáo dục đặc biệt cho trẻ chậm phát triển trí tuệ*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

(BBT nhận bài: 25/02/2020, hoàn tất thủ tục phản biện: 20/4/2020)